

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC  
PHÚ MỸ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06.08/CNPM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Cấp nước Phú Mỹ (MCK: PMW) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. BCTC bán niên soát xét năm 2025** theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

- ☒ BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

**2. Các văn bản giải trình** phải công bố thông tin **đồng thời** cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

i) Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (Ý kiến ngoại trừ/ Ý kiến trái ngược/ Từ chối cho ý kiến)?

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình về ý kiến không chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán:

☐ Có ☒ Không

ii) Lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình LNST thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

☐ Có ☒ Không

iii) LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại?

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình LNST chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có ☒ Không

iv) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?



☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗi, chuyển từ lỗi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗi ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 06/08/2025 tại đường dẫn: <http://www.pmw.vn/bao-cao/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

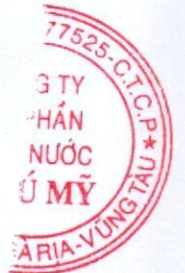
**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Nguyễn Tấn Long**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 29

3.  
TY  
t  
Á  
T  
.  
3500  
CÔ  
CỔ  
CÁ  
PH  
PHÚ MỸ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**

Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Lương Điền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Ông Đinh Chí Đức	Thành viên (từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 13 tháng 03 năm 2025)
	Chủ tịch (từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 13 tháng 03 năm 2025)
Bà Châu Thị Thuý Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Ông Võ Hiền Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Khả	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Ông Phạm Tấn Luận	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)

**Ban Giám đốc**

Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Bà Lê Minh Đức	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Ông Hồ Đắc Khương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)
Bà Châu Thị Thuý Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 03 năm 2025)

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

- Ông Đinh Chí Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Phạm Tấn Luận - Giám đốc (từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 13 tháng 03 năm 2025)

- Ông Nguyễn Lương Điền – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Phạm Tấn Luận - Giám đốc (từ ngày 14 tháng 03 năm 2025 đến nay)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phạm Tân Luận**

**Giám đốc**

Ngày 04 tháng 08 năm 2025

Số: 080401/2025/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 08 năm 2025, từ trang 5 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Như Phương**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2021-2023-072-1  
Ngày 04 tháng 08 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025**

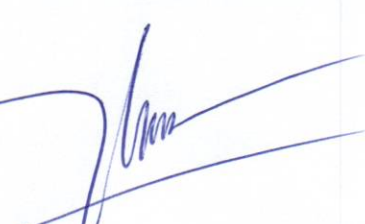
Đơn vị: VND


<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>88.594.113.405</b>	<b>104.064.162.727</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>23.996.691.936</b>	<b>41.534.307.737</b>
1. Tiền	111		9.996.691.936	3.034.307.737
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	38.500.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.788.125.263</b>	<b>46.623.122.856</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	32.440.134.596	37.402.036.130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.021.049.056	8.767.052.062
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.407.444.466	534.537.519
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(80.502.855)	(80.502.855)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>18.590.945.772</b>	<b>13.218.049.334</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.590.945.772	13.218.049.334
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.218.350.434</b>	<b>2.688.682.800</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.218.350.434	2.688.682.800
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>605.260.582.943</b>	<b>597.614.214.613</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>391.660.810.682</b>	<b>399.206.925.180</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	390.436.925.615	397.847.969.539
- Nguyên giá	222		690.068.093.037	674.493.742.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(299.631.167.422)	(276.645.772.971)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.223.885.067	1.358.955.641
- Nguyên giá	228		3.100.237.176	3.050.237.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.876.352.109)	(1.691.281.535)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>96.674.873.646</b>	<b>83.747.726.788</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	96.674.873.646	83.747.726.788
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>102.578.525.900</b>	<b>102.578.525.900</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	102.578.525.900	102.578.525.900
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.346.372.715</b>	<b>12.081.036.745</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	14.346.372.715	12.081.036.745
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>693.854.696.348</b>	<b>701.678.377.340</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>71.621.539.804</b>	<b>79.549.280.176</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.621.539.804</b>	<b>79.549.280.176</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	60.767.707.401	18.185.840.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36.944.489	11.884.275
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.285.078.729	4.205.710.244
4. Phải trả người lao động	314		3.148.747.121	5.224.634.090
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	344.093.863	549.843.140
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		524.562.434	121.199.755
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	1.306.723.110	44.831.718.276
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.207.682.657	6.418.449.841
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>622.233.156.544</b>	<b>622.129.097.164</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>622.233.156.544</b>	<b>622.129.097.164</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.998.320.000	499.998.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.998.320.000	499.998.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.029.950.000	32.029.950.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.508.165.610	18.508.165.610
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.696.720.934	71.592.661.554
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.592.829.554	17.572.239.281
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.103.891.380	54.020.422.273
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>693.854.696.348</b>	<b>701.678.377.340</b>

  
Trần Tố Liên  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Như Trang  
Kế toán trưởng



  
Phạm Tấn Luận  
Giám đốc  
Ngày 04 tháng 08 năm 2025

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		174.706.379.459	189.438.620.362
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	174.706.379.459	189.438.620.362
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	116.444.753.590	122.812.099.539
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.261.625.869	66.626.520.823
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22.012.315.442	11.881.501.528
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	657.098.156	657.644.496
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		657.098.156	657.644.496
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.687.328.079	7.048.083.816
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.430.841.893	13.608.586.081
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.498.673.183	57.193.707.958
10. Thu nhập khác	31		380.133.923	339.972.539
11. Chi phí khác	32		282.656.134	217.000.000
12. Lợi nhuận khác	40		97.477.789	122.972.539
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.596.150.972	57.316.680.497
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	3.492.259.592	4.694.054.140
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.103.891.380	52.622.626.357
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.002	952
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.002	952

**Vũ Thị Như Trang**  
Kế toán trưởng

**Phạm Tấn Luận**  
**Giám đốc**  
*Ngày 04 tháng 08 năm 2025*

## Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	56.596.150.972	57.316.680.497
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	23.170.465.025	21.710.910.450
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.012.315.442)	(11.881.501.528)
Chi phí lãi vay	06	657.098.156	657.644.496
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58.411.398.711	67.803.733.915
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	3.305.329.959	(16.357.887.374)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(5.372.896.438)	(18.102.766.458)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	45.691.952.008	5.636.105.547
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.265.335.970)	(2.115.207.213)
Tiền lãi vay đã trả	14	(697.285.861)	(646.161.170)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.774.605.577)	(3.940.756.972)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.210.767.184)	(7.167.466.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88.087.789.648	25.109.593.549
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.544.585.039)	(17.800.549.020)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị	23	-	30.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.444.006.756	11.850.539.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.100.578.283)	24.049.990.864
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	70.041.599.585	78.951.217.430
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(113.566.594.751)	(83.424.369.440)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(49.999.832.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.524.827.166)	(4.473.152.010)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.537.615.801)	44.686.432.403
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41.534.307.737	9.329.590.931
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.996.691.936	54.016.023.334

**Phạm Tấn Luận**  
**Giám đốc**  
*Ngày 04 tháng 08 năm 2025*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Mỹ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp cấp nước Phú Mỹ thuộc Công ty Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 6023/QĐ.UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3500677525 ngày 29 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 1992. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 19 tháng 03 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty là: 499.998.320.000 đồng (Bốn trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Kinh doanh các vật tư, trang thiết bị về ngành nước); và
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước).

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét.

**6. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 69 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 71 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)***

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp trong vòng 15 năm.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 08 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa, cải tạo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay (Tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty xác định đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg, Quyết định số 693/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện lĩnh vực xã hội hóa hoạt động cung cấp nước sạch được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	278.943.373	589.552.649
Tiền gửi ngân hàng	9.717.748.563	2.444.755.088
Các khoản tương đương tiền (*)	14.000.000.000	38.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.996.691.936</b>	<b>41.534.307.737</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ, lãi suất từ 2,5%/năm - 3,8%/năm.

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Phát triển Quốc tế Formosa	15.427.731.860	20.917.731.860
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO	5.620.157.214	6.414.378.517
Công ty Đầu tư & Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên & Phú Mỹ I tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.980.186.860	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.412.058.662	10.069.925.753
<b>Cộng</b>	<b>32.440.134.596</b>	<b>37.402.036.130</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí Xây dựng Kim Ngân	2.393.759.000	-
Xí nghiệp Xây lắp - Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	1.024.169.372	3.152.618.000
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư xây dựng Tuấn Phát	443.901.783	2.093.573.579
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	-	2.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.159.218.901	1.520.860.483
<b>Cộng</b>	<b>5.021.049.056</b>	<b>8.767.052.062</b>
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</i>	<b>1.024.169.372</b>	<b>5.152.800.000</b>

**4. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự thu lãi tiền gửi	8.526.028	14.775.342
Tạm ứng	574.718.665	333.215.255
Phải thu cổ tức	5.574.558.000	-
BHXXH phải thu lại nhân viên	62.853.000	65.824.500
Phải thu khác	186.788.773	120.722.422
<b>Cộng</b>	<b>6.407.444.466</b>	<b>534.537.519</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.590.945.772	-	12.986.513.966	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	231.535.368	-
<b>Cộng</b>	<b>18.590.945.772</b>	<b>-</b>	<b>13.218.049.334</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
NGUYÊN GIÁ									
Số dư đầu kỳ	65.013.421.479		34.134.543.120		561.219.181.900		14.126.596.011		674.493.742.510
Đầu tư XD CB hoàn thành	-		-		15.574.350.527		-		15.574.350.527
Số dư cuối kỳ	65.013.421.479		34.134.543.120		576.793.532.427		14.126.596.011		690.068.093.037
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Số dư đầu kỳ	30.763.588.693		19.506.215.156		219.605.036.956		6.770.932.166		276.645.772.971
Khấu hao trong kỳ	1.752.306.852		1.367.780.490		19.165.369.435		699.937.674		22.985.394.451
Số dư cuối kỳ	32.515.895.545		20.873.995.646		238.770.406.391		7.470.869.840		299.631.167.422
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày đầu kỳ	34.249.832.786		14.628.327.964		341.614.144.944		7.355.663.845		397.847.969.539
Tại ngày cuối kỳ	32.497.525.934		13.260.547.474		338.023.126.036		6.655.726.171		390.436.925.615

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 45.857.444.762 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 45.046.415.879 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	180.000.000	2.870.237.176	3.050.237.176
Tăng trong kỳ	-	50.000.000	50.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>180.000.000</b>	<b>2.920.237.176</b>	<b>3.100.237.176</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	85.000.000	1.606.281.535	1.691.281.535
Khấu hao trong kỳ	6.000.000	179.070.574	185.070.574
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>91.000.000</b>	<b>1.785.352.109</b>	<b>1.876.352.109</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	95.000.000	1.263.955.641	1.358.955.641
Tại ngày cuối kỳ	89.000.000	1.134.885.067	1.223.885.067

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1.161.198.176 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.041.198.176 đồng)

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Xây dựng các công trình tuyến ống	96.645.056.024	83.724.821.512
Sửa chữa các hệ thống tuyến ống	29.817.622	22.905.276
<b>Cộng</b>	<b>96.674.873.646</b>	<b>83.747.726.788</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí sản xuất	1.147.960.832	1.152.535.118
Chi phí sửa chữa	2.571.109.665	2.511.459.023
Tuyến ống dịch vụ	2.064.760.518	2.133.251.655
Thiết bị quản lý	246.539.908	269.606.741
Công cụ dụng cụ quản lý	1.287.189.976	1.378.046.228
Chi phí lắp mới đồng hồ	1.232.564.420	1.235.316.327
Chi phí thay bảo hành đồng hồ	5.796.247.396	3.400.821.653
<b>Cộng</b>	<b>14.346.372.715</b>	<b>12.081.036.745</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

	Số lượng		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ
					Dự phòng	Giá gốc	
	CP		%	VND	VND	VND	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức (i)	11.343.750	19,73%		82.500.000.000	(*)	82.500.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (ii)	5.067.780	5,07%		20.078.525.900	-	20.078.525.900	-
<b>Cộng</b>				<b>102.578.525.900</b>	<b>-</b>	<b>102.578.525.900</b>	<b>-</b>

(i) Ông Nguyễn Lương Điền – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức. Theo đó, Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết nhỏ hơn 20% nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể với Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức, nên Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức vẫn là Công ty liên kết của Công ty.

(ii) Ông Nguyễn Lương Điền – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết nhỏ hơn 20% nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể với Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu, nên Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu vẫn là Công ty liên kết của Công ty.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	49.861.319.526	49.861.319.526	13.514.062.800	13.514.062.800
Công ty TNHH Cấp Nước Tóc Tiên	997.042.410	997.042.410	1.249.430.070	1.249.430.070
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	5.526.412.000	5.526.412.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	4.382.933.465	4.382.933.465	3.422.347.685	3.422.347.685
<b>Cộng</b>	<b>60.767.707.401</b>	<b>60.767.707.401</b>	<b>18.185.840.555</b>	<b>18.185.840.555</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	<b>49.861.319.526</b>	<b>49.861.319.526</b>	<b>13.514.062.800</b>	<b>13.514.062.800</b>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp / bù trừ trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	8.782.191.280	8.782.191.280	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.113.829.223	3.492.259.592	3.492.259.592	3.774.605.577	1.831.483.238	1.831.483.238	1.831.483.238	1.831.483.238
Thuế thu nhập cá nhân	1.309.347.716	2.840.273.114	2.840.273.114	3.628.030.572	521.590.258	521.590.258	521.590.258	521.590.258
Thuế tài nguyên	245.010.150	1.514.669.478	1.514.669.478	1.519.457.928	240.221.700	240.221.700	240.221.700	240.221.700
Thuế bảo vệ môi trường	537.523.155	3.799.901.733	3.799.901.733	3.645.641.355	691.783.533	691.783.533	691.783.533	691.783.533
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.205.710.244</b>	<b>20.432.295.197</b>	<b>20.432.295.197</b>	<b>21.352.926.712</b>	<b>3.285.078.729</b>	<b>3.285.078.729</b>	<b>3.285.078.729</b>	<b>3.285.078.729</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí bảo vệ môi trường	74.483.864	71.467.604
Trích trước chi phí lãi vay	189.743	40.377.448
Trích trước chi phí tiền điện	269.420.256	275.468.585
Trích trước chi phí phải trả khác	-	162.529.503
Cộng	344.093.863	549.843.140

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ (i)	24.874.978.976	24.874.978.976	41.179.340.285	64.747.596.151	1.306.723.110	1.306.723.110
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	19.956.739.300	19.956.739.300	28.862.259.300	48.818.998.600	-	-
Cộng	44.831.718.276	44.831.718.276	70.041.599.585	113.566.594.751	1.306.723.110	1.306.723.110

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/611439/HĐTD ngày 14 tháng 06 năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, hạn mức cấp tín dụng là 35 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không vượt quá ngày 15 tháng 05 năm 2025. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	499.998.320.000	32.029.950.000	15.542.802.610	37.572.172.081	585.143.244.691		
Lãi trong năm	-	-	-	98.847.138.473	98.847.138.473		
Chia cổ tức còn lại năm 2023	-	-	-	(19.999.932.800)	(19.999.932.800)		
Tạm chia cổ tức năm 2024	-	-	-	(29.999.899.200)	(29.999.899.200)		
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.965.363.000	(2.965.363.000)	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.861.454.000)	(11.861.454.000)		
Số dư đầu kỳ này	499.998.320.000	32.029.950.000	18.508.165.610	71.592.661.554	622.129.097.164		
Lãi trong kỳ	-	-	-	53.103.891.380	53.103.891.380		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)		
Chia cổ tức còn lại năm 2024 (ii)	-	-	-	(49.999.832.000)	(49.999.832.000)		
Số dư cuối kỳ này	499.998.320.000	32.029.950.000	18.508.165.610	71.696.720.934	622.233.156.544		

- (i) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong 06 tháng đầu năm 2025 là 3 tỷ đồng, tỷ lệ trích này không vượt tỷ lệ trích theo kế hoạch của Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 14 tháng 03 năm 2025, cụ thể kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:
- Trích quỹ Đầu tư phát triển tương ứng 3% lợi nhuận sau thuế.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng 12% lợi nhuận sau thuế.

- Chia cổ tức với số tiền tối thiểu 15% vốn điều lệ.
- (ii) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 14 tháng 03 năm 2025, cụ thể như sau:
- Trích quỹ Đầu tư phát triển tương ứng 3% lợi nhuận sau thuế:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng 12% lợi nhuận sau thuế:

- Chia cổ tức tương ứng 16% vốn điều lệ:
- 2.965.414.000 đồng

11.861.657.000 đồng

79.999.731.200 đồng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	40,48%	202.377.190.000	40,48%	202.377.190.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	16,69%	83.460.640.000	16,69%	83.460.640.000
Các cổ đông khác	42,83%	214.160.490.000	42,83%	214.160.490.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>499.998.320.000</b>	<b>100%</b>	<b>499.998.320.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.999.832	49.999.832
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	49.999.832	49.999.832
Cổ phiếu phổ thông	49.999.832	49.999.832
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.999.832	49.999.832
Cổ phiếu phổ thông	49.999.832	49.999.832
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Doanh thu từ hoạt động thi công lắp đặt, cung cấp vật tư ngành nước chiếm tỷ trọng nhỏ (xem chi tiết tại thuyết minh số VI.1 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,  
Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a- DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.706.379.459	189.438.620.362
Doanh thu thành phẩm nước	174.335.240.340	189.170.190.136
Doanh thu thi công lắp đặt	146.852.119	252.304.726
Doanh thu cung cấp vật tư ngành nước	224.287.000	16.125.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>174.706.379.459</b>	<b>189.438.620.362</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn thành phẩm nước	115.385.353.870	122.528.354.850
Giá vốn thi công lắp đặt	822.154.896	267.263.694
Giá vốn cung cấp vật tư ngành nước	237.244.824	16.480.995
<b>Cộng</b>	<b>116.444.753.590</b>	<b>122.812.099.539</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	26.227.442	537.751.528
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.986.088.000	11.343.750.000
<b>Cộng</b>	<b>22.012.315.442</b>	<b>11.881.501.528</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	657.098.156	657.644.496
<b>Cộng</b>	<b>657.098.156</b>	<b>657.644.496</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	2.540.566.217	3.090.047.926
Chi phí lắp mới đồng hồ nước cho khách hàng	860.096.589	659.473.592
Chi phí lắp mới tuyến ống dịch vụ	620.103.386	496.426.400
Chi phí bảo trì, sửa chữa, di dời	1.077.856.382	1.334.143.094
Chi phí bảo hành đồng hồ nước	1.698.888.184	798.042.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	405.095.921	368.657.801
Chi phí bằng tiền khác	484.721.400	301.292.051
<b>Cộng</b>	<b>7.687.328.079</b>	<b>7.048.083.816</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,  
Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	8.087.360.585	8.411.171.109
Chi phí vật liệu quản lý	27.297.552	109.617.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	543.563.446	336.485.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	885.008.248	706.491.872
Thuế, phí, lệ phí	162.745.292	48.249.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.830.691.820	2.747.969.536
Chi phí khác bằng tiền	1.894.174.950	1.248.600.729
<b>Cộng</b>	<b>15.430.841.893</b>	<b>13.608.586.081</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>56.596.150.972</b>	<b>57.316.680.497</b>
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ bán nước sạch	35.223.729.641	45.356.790.925
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	21.372.421.331	11.959.889.572
Các khoản điều chỉnh tăng	365.163.494	324.615.791
- Chi phí khấu hao xe ô tô vượt mức quy định	211.207.360	211.207.360
- Tiền phạt VPHC, truy thu thuế	87.656.134	3.500.000
- Chi phí không được trừ khác (hoạt động sản xuất)	66.300.000	109.908.431
- Chi phí không được trừ khác (hoạt động khác)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(21.986.088.000)	(11.343.750.000)
- Cổ tức, lợi nhuận từ Công ty con, Công ty liên kết	(21.986.088.000)	(11.343.750.000)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>34.975.226.466</b>	<b>46.297.546.288</b>
Thu nhập tính thuế từ bán nước sạch	35.501.237.001	45.654.551.176
Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác	(526.010.535)	642.995.112
<b>Thuế suất</b>		
Thuế suất đối với hoạt động xã hội hóa	10%	10%
Thuế suất hoạt động thông thường khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.444.921.594	4.694.054.140
Truy thu thuế TNDN các năm trước	47.337.998	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.492.259.592</b>	<b>4.694.054.140</b>

**8. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.103.891.380	52.622.626.357
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>50.103.891.380</b>	<b>47.622.626.357</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.999.832	49.999.832
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.002</b>	<b>952</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****8. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.103.605.446	98.031.977.734
Chi phí nhân công	14.608.038.972	15.754.904.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.170.465.025	21.710.910.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.450.128.831	6.372.834.705
Chi phí khác bằng tiền	4.462.220.656	1.549.892.780
<b>Cộng</b>	<b>139.794.458.930</b>	<b>143.468.769.436</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	Cổ đông lớn đồng thời là Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	Cổ đông lớn đồng thời là Công ty liên kết

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Mua hàng</b>	<b>81.725.876.227</b>	<b>87.134.845.000</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	77.167.566.000	87.134.845.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	4.558.310.227	-
<b>Cổ tức được chia</b>	<b>21.986.088.000</b>	<b>11.343.750.000</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	11.343.750.000	11.343.750.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	10.642.338.000	-
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>28.583.783.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	20.237.719.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	8.346.064.000	-

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.024.169.372</b>	<b>5.152.800.000</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu	1.024.169.372	3.152.800.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	-	2.000.000.000
<b>Phải trả người bán</b>	<b>49.861.319.526</b>	<b>13.514.062.800</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	49.861.319.526	13.514.062.800

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**

Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,  
Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:*

Họ tên Ký này	Chức vụ	Lương VND	Thưởng VND	Thù lao VND	Cộng VND
Ông Nguyễn Lương Điền	Chủ tịch HĐQT	-	260.000.000	70.000.000	330.000.000
Ông Đinh Chí Đức	Thành viên HĐQT	-	280.000.000	70.000.000	350.000.000
Bà Châu Thị Thủy Anh	Thành viên HĐQT	446.460.000	210.000.000	50.000.000	706.460.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	535.730.000	230.000.000	60.000.000	825.730.000
Ông Võ Hiền Hiếu	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	30.000.000	110.000.000
Ông Nguyễn Xuân Khả	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	30.000.000	110.000.000
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	491.300.000	230.000.000	60.000.000	781.300.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	-	130.000.000	30.000.000	160.000.000
Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	728.260.000	250.000.000	60.000.000	1.038.260.000
Ông Nguyễn Cảnh Toàn	Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	430.395.400	130.000.000	30.000.000	590.395.400
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc	705.430.000	220.000.000	30.000.000	955.430.000
Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng BKS	-	80.000.000	30.000.000	110.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên BKS	-	70.000.000	20.000.000	90.000.000
Ông Hồ Đức Khương	Thành viên BKS	-	70.000.000	20.000.000	90.000.000
Bà Lê Minh Đức	Cựu Trưởng BKS	-	150.000.000	30.000.000	180.000.000
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Cựu thành viên BKS	-	130.000.000	20.000.000	150.000.000
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT	491.300.000	200.000.000	45.000.000	736.300.000
<b>Cộng</b>		<b>3.828.875.400</b>	<b>2.800.000.000</b>	<b>685.000.000</b>	<b>7.313.875.400</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau (Tiếp theo):

Họ tên	Chức vụ	Lương VND	Thưởng VND	Thù lao VND	Cộng VND
Kỳ trước					
Ông Đinh Chí Đức	Chủ tịch HĐQT	-	200.000.000	80.000.000	280.000.000
Ông Nguyễn Lương Điền	Thành viên HĐQT	-	170.000.000	60.000.000	230.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên HĐQT	-	150.000.000	60.000.000	210.000.000
Ông Đặng Hồng Đăng	Thành viên HĐQT	397.638.900	226.800.000	60.000.000	684.438.900
Ông Nguyễn Tấn Long	Thành viên HĐQT	366.831.922	222.000.000	60.000.000	648.831.922
Ông Phạm Tấn Luận	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	550.282.800	278.000.000	60.000.000	888.282.800
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	515.057.300	250.800.000	60.000.000	825.857.300
Bà Lê Minh Đức	Trưởng BKS	-	130.000.000	60.000.000	190.000.000
Bà Đinh Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	-	130.000.000	40.000.000	170.000.000
Bà Châu Thị Thủy Anh	Thành viên BKS	319.887.800	192.400.000	40.000.000	552.287.800
Bà Vũ Thị Như Trang	Kế toán trưởng kiêm Người PTQT	366.855.200	202.000.000	40.000.000	608.855.200
Cộng		2.516.553.922	2.152.000.000	620.000.000	5.288.553.922

2. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hợp đồng thuê đất số 87/HĐTD ngày 21 tháng 11 năm 2007 tại xã Mỹ Xuân, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành để sử dụng vào mục đích đầu tư nhà máy xử lý nước và trạm bơm giáng trong 50 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2005. Diện tích khu đất thuê là 5.858 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đất hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Tuy nhiên, đất thuê thuộc đất xây dựng công trình cấp nước nên được miễn tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ**  
Số 02 Đường Độc Lập, KP Tân Ngọc,  
Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a- DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**


*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
Trần Tố Liên  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Như Trang  
Kế toán trưởng



  
Phạm Tấn Luận  
Giám đốc  
Ngày 04 tháng 08 năm 2025